

Số: 165/KH-THCC

Chà Cang, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **Năm học 2025 - 2026**

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 Thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Thông tư ban hành điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;.

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn nhiệm vụ GDPT năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT năm học 2025-2026;

Căn cứ Văn bản số 2540/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2025 của Sở GD&ĐT Điện Biên về việc hướng dẫn một số nội dung về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Hướng dẫn số 2616/SGDDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 199/QĐ-UBND, ngày 19/08/2025 của UBND xã Mường Chà về Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục Mầm non, Giáo dục phổ thông thuộc UBND xã Mường Chà;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2024-2025 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2025-2026. Trường PTDTBT TH Chà Cang xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026.

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.

Xã Mường Chà là xã thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với xã vùng núi khó khăn thuộc chương trình 135, chương trình 30a, chương trình nông thôn mới. Đặc biệt là được sự quan tâm của các cấp uỷ, chính quyền địa phương, đời sống của nhân dân được nâng lên, nhận thức về công tác giáo dục có sự chuyển biến tích cực. Xã Mường Chà có tổng diện tích tự nhiên là 462.310 Km², có 29 bản, 2.740 hộ, 14.159 Khẩu, gồm 10 dân tộc sinh sống trong đó có 3 dân tộc chính (Thái, Mông, Dao.....) và một số dân tộc khác cùng sinh sống, nhân dân chủ yếu sống rải rác, mặt bằng trình độ dân trí còn thấp, kinh tế chậm phát triển đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn nhân dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, chưa đáp ứng được khoa học kỹ thuật và canh tác, chăn nuôi, thay đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng còn chậm, tỉ lệ đói nghèo còn cao.

Tình hình ANCT, TTATXH còn nhiều tiềm ẩn khó lường, tình hình phá rừng làm nương, mua bán nhỏ lẻ và sử dụng chất ma túy, tàng trữ sử dụng vũ khí vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, mua bán thuê mướn, trái phép đất đai.

Cùng với sự thay đổi của đất nước, xã Mường Chà đang từng bước vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, thay đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội.

1.1. Thuận lợi, khó khăn

a. Thuận lợi

- Sau sát nhập, chính quyền địa phương đã đi sâu, đi sát kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường; tăng cường công tác quản lý, chăm lo cho sự nghiệp phát triển giáo dục xã nhà. Tiếp tục đầu tư kinh phí xây dựng và tu sửa trường lớp.

- Phụ huynh học sinh đã quan tâm chăm lo đến việc học tập của con em, có sự phối kết hợp chặt chẽ có hiệu quả giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

- Sự hội nhập từ việc sáp nhập địa giới giúp mở rộng vùng ảnh hưởng giáo dục, tăng cơ hội liên kết với các đơn vị bạn.

b. Khó khăn

- Cơ sở vật chất còn thiếu thốn, chưa đồng bộ. Thiếu các phòng chức năng. Xã có nhiều điểm bản xa trung tâm, giao thông đi lại khó khăn. Địa bàn cư trú của học sinh không tập trung, nhiều em ở cách xa trường, có điểm trường xa trung tâm trường 25 km nên tỷ lệ đi học chuyên cần chưa cao nhất là mùa mưa lũ, mùa đông giá rét.

- Điều kiện kinh tế của gia đình học sinh còn nhiều khó khăn nên sự quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho con em học tập còn hạn chế. 92,5% học sinh của trường là người dân tộc thiểu số, nhiều em vốn tiếng Việt còn hạn chế nên ngại giao tiếp, gây khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức và hoạt động nhóm.

- Nhận thức của một bộ phận người dân trong việc chấp hành các quy định chưa nghiêm, còn vi phạm các tệ nạn xã hội; phụ huynh còn chưa quan tâm đến việc học tập của con em, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và xã hội với nhà trường trong công tác giáo dục.

1.2. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường

a) Công tác tham mưu, tuyên truyền và ban hành các văn bản chỉ đạo.

- Nhà trường coi trọng và làm tốt công tác tham mưu đến cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc xây dựng và tu sửa trường lớp như: Tu sửa khuôn viên, sân chơi...; tuyên truyền trong đội ngũ, cha mẹ học sinh và nhân dân để đảm bảo các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018, tạo sự đồng thuận giữa nhà trường với các lực lượng là yếu tố làm nên thành công chất lượng giáo dục nhà trường.

- Cập nhật, nghiên cứu các văn bản hướng dẫn của cấp trên làm cơ sở ban hành văn bản chỉ đạo kịp thời đến các cá nhân, đoàn thể để thực hiện nhiệm vụ một cách đồng bộ.

b) Chuẩn bị về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Rà soát, bố trí sử dụng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Bồi dưỡng thường xuyên, tổ chức tập huấn... đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

- Tổ chức giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục khối lớp mình dạy, nắm vững nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa và tham khảo các tư liệu khác, đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đặc điểm đối tượng học sinh.

c) Chuẩn bị về cơ sở vật chất.

Đầu năm, nhà trường đã kiểm tra, rà soát tất cả các điều kiện về cơ sở vật chất để chuẩn bị bước vào năm học mới.

- Tổng số phòng học: 16 phòng với đầy đủ bàn ghế, hệ thống chiếu sáng, quạt trần.

- Các phòng chức năng: phòng máy vi tính (01 phòng với 20 máy/phòng), phòng Thư viện, phòng Thiết bị. Tất cả các phòng đều được trang bị các thiết bị đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập của giáo viên, học sinh.

- Các phòng làm việc: Phòng Hiệu trưởng :01; Phòng phó Hiệu trưởng: 02; phòng chuyên môn: 03; phòng hành chính đều được trang bị máy vi tính kết nối mạng internet.

- Trường có hàng rào kiên cố. Sân trường có cây xanh và các bồn hoa tạo cảnh quang mát mẻ, sạch đẹp để HS rèn luyện thân thể và tham gia các hoạt động tập thể.

- Sách giáo khoa, thiết bị dạy học:

+ Thực hiện đúng danh mục sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đảm bảo 100% học sinh có đủ sách giáo khoa các môn học để học tập.

+ Nhà trường thường xuyên kiểm tra công tác bảo quản và sử dụng thiết bị đáp ứng yêu cầu tổ chức giảng dạy và an toàn trường học. Năm học 2025-2026 đảm bảo yêu cầu 01 bộ thiết bị/01 lớp.

d) Làm tốt công tác truyền thông về CTGDPT 2018.

Xây dựng tập thể đoàn kết, tích cực và chủ động thực hiện nhiệm vụ. Mỗi cán bộ giáo viên là một cộng tác viên tuyên truyền đầy đủ, chính xác các hoạt động giáo dục của nhà trường đến toàn thể nhân dân.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

- Năm học 2025-2026 nhà trường có 16 lớp và 373 học sinh. Trong đó có 12 lớp đơn; 4 lớp ghép 1 + 2. Cụ thể:

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Nữ	Bình quân HS/lớp	Khuyết tật		Dân tộc		Hộ nghèo	Cận nghèo	Con mồ côi	HS có HCB BKK	HS lưu ban	HS không Đúng độ tuổi	Ghi chú
					TS	Nữ	TS	Nữ							
1	4	81	49	20,25	1	0	75	46	18	3	0	0	3	0	
2	3	64	26	21,4	0	0	59	23	23	0	0	0	2	0	
3	2	53	24	26,5	0	0	47	22	13	0	0	0	2	0	
4	4	93	45	23,25	0	0	87	40	25	6	0	0	0	0	
5	3	82	34	27,4	1	1	76	32	23	7	0	0	0	0	
Tổng	16	373	180	23,31	2	1	343	163	89	11	0	0	7	0	

- Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh: 175 đội viên và 198 nhi đồng.

- Tỷ lệ học sinh bình quân/lớp là: 23,31 học sinh/lớp.

- Học 9 buổi/ tuần 16 lớp = 373 học sinh.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Cơ cấu đội ngũ

Năm học 2025-2026 có tổng số 31 CBQL, GV, NV. Trong đó: CBQL: 03; GV: 24; NV: 04. Cụ thể:

Thông tin	Số lượng	Nữ	Đảng viên	Đoàn viên	Trình độ đào tạo				TĐ LL chính trị		Biên chế	Hợp đồng	Ghi chú
					ThS	ĐH	CĐ	TC	TC	SC			
CBQL	3	1	3	0	0	3	0	0	3	0	3	0	
GV Văn hoá	17	7	14	1	0	17	0	0	0	0	18	0	
GV Âm nhạc	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	
GV Mỹ thuật	1	1	1	0	0	1	0	0	1	0	1	0	
GV Thể dục	1	0	1	1	0	2	0	0	0	0	2	0	
GV TA	2	1	2	1	0	2	0	0	0	0	2	0	
GV Tin học	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1	0	
TPTĐ	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VT-TQ	1	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	
TV-TB	2	1	1	1	0	1	0	1	0	0	2	0	
Kế toán	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Y tế	1	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	
Tổng	31	14	26	5	0	28	0	3	4	0	31	0	

Hợp đồng ngoài biên chế: 1 nhân viên bảo vệ.

Tỉ lệ GV/lớp: $24/16 = 1,5\%$; Tỉ lệ GV đạt chuẩn: $24/24 = 100\%$.

- Trường có 3 tổ chuyên môn (tổ 1; tổ 2+3; tổ 4+5) và 1 tổ văn phòng
- Có 31/31 đồng chí có chứng chỉ Tin học (trong đó Đại học CNTT: 01 đồng chí);

- Có 15/31 đồng chí có chứng chỉ Tiếng dân tộc.

- Năm học 2025-2026, đối chiếu với Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, nhà trường còn thiếu 01 nhân viên kế toán.

b. Về chất lượng đội ngũ:

- Giáo viên giỏi: cấp tỉnh: 04/24 đạt tỷ lệ 16,7%; cấp huyện: 7/24 đ/c đạt tỷ lệ 29,2%; cấp trường: 5/24 đ/c đạt tỷ lệ 20,8%.

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện: 03/24 đạt tỷ lệ 12,5%.

- Chuẩn nghề nghiệp GV: loại Tốt: 17/24 đ/c đạt tỷ lệ 70,8%, Khá: 4/24 đạt tỷ lệ 16,7%, Đạt: 3/24 đ/c đạt tỷ lệ 12,5%.

- Đánh giá viên chức cuối năm: HTXS NV 5/32 đ/c đạt tỷ lệ 15,6%, HTT NV 24/32 đạt tỷ lệ 75 %; HTNV: 3/32 đ/c đạt tỷ lệ 9,4 %.

- Đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên nhà trường có tinh thần trách nhiệm trong công việc; nhiệt tình trong công tác giảng dạy và giáo dục học sinh, thực hiện tốt việc phối kết hợp giữa các cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với các đoàn thể trong trường. Tuy nhiên, còn một bộ phận giáo viên mới vào nghề nên còn thiếu kĩ năng và kinh nghiệm, lúng túng khi xử lý các tình huống, việc vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học. Việc thực hiện đánh giá học sinh của một bộ phận giáo viên chưa linh hoạt, chưa tích cực còn máy móc.

- Hàng năm cán bộ, giáo viên đều được tham gia bồi dưỡng chính trị, chuyên môn với các chuyên đề thiết thực.

2.3. Đặc điểm về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Diện tích đất nhà trường là 14.378 m²; diện tích sân chơi, bãi tập là 10.180m². Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, được cấp có thẩm quyền cấp phép sử dụng đất lâu dài. Trường có tường bao quanh, có cổng trường, biển trường và môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

- Tổng số phòng học: 16 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp. Trong đó: phòng kiên cố 06 phòng; phòng bán kiên cố 10 phòng.

- Tổng số phòng học bộ môn: 04 phòng, trong đó: 02 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng nghệ thuật.

- Tổng số phòng chức năng: 10 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 02; Văn phòng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01; Phòng cho tổ chuyên môn: 03.

- Trường có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

*** Thiết bị dạy học**

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động dạy học.

+ Tổng số máy chiếu: 9 (lắp cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn, phòng ; phòng Hội đồng và 01 máy di động).

+ Tivi: 3 cái

+ Mic không dây: 1 bộ

+ Mic có dây 2 cái

+ Đàn organ: 2 cái

+ Máy tính: 20 bộ phòng tin

+ Máy chiếu vật thể: 3 cái

+ Tủ âm loa, đài: 01 bộ

+ Loa trợ giảng 02 bộ.

Màn hình thông minh: 4 cái.

*** Điểm trường, lớp ghép**

Năm học 2025-2026 nhà trường có 4 điểm trường lẻ, điểm trường Huổi Chá có 01 lớp ghép 1+2 với 4+7 học sinh, điểm trường Nậm Hải có 01 lớp ghép 1+2 với 13+7 học sinh, điểm trường Hô Hải 1 có 01 lớp ghép 1+2 với tổng số học sinh là 5+9 và điểm trường Hô Hải 2 có 01 lớp ghép 1+2 với tổng số học sinh là 16+13. Phòng học kiên cố 02 phòng; Bán kiên cố 02 phòng.

*** Cơ sở vật chất phục vụ bán trú.**

- Nhà bếp và nhà ăn: có 01 nhà bếp, 01 nhà ăn. Nhà bếp, nhà ăn đảm bảo cơ sở vật chất cho 176 học sinh ăn, nghỉ bán trú tại trường.

- Phòng ở bán trú: 10 phòng.
- Nhà tắm: 01 nhà = 02 phòng (Nam, nữ riêng)
- Nhà vệ sinh: 02 nhà với 09 phòng

2.4. Về tài liệu dạy học

- Nhà trường đã lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa trong danh mục phê duyệt của Bộ GD-ĐT (Quyết định 512/QĐ-BGDĐT ngày 21/2/2020 của Bộ GD-ĐT về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định 709/QĐ-BGDĐT ngày 09/2/2021 của Bộ GD-ĐT về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 2 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định 438/QĐ-BGDĐT ngày 28/1/2022 của Bộ GD-ĐT về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11 và môn Lịch sử lớp 10 (bổ sung) sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 và bổ sung sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Học sinh có đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu học tập theo danh mục trên.
- Giáo viên được cung cấp đầy đủ sách giáo khoa, sách giáo viên, nguồn học liệu điện tử tương ứng môn học/HĐGD do nhà xuất bản cung cấp.

2.5. Những thuận lợi, khó khăn cơ bản khi thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

a) Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Sở GD&ĐT, sự quan tâm của cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, sự phối hợp của trường THCS, Mầm non đóng trên địa bàn.
- Hệ thống văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp được triển khai đầy đủ và kịp thời.
- Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu và công tác tuyên truyền để nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của chính quyền địa phương, nhân dân và phụ huynh khi thực hiện chương trình giáo dục và Chương trình giáo dục Phổ thông 2018.
- Ban giám hiệu nhà trường nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong công việc, chỉ đạo bám sát kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm của Ngành. Ban giám hiệu và các đoàn thể thống nhất trong công tác quản lý chỉ đạo các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Đội ngũ cán bộ giáo viên đa số có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỉ luật, yêu thương học sinh. Có năng lực phẩm chất tốt, có trình độ, có lòng yêu nghề, có tinh thần đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

- Cơ sở vật chất 100% phòng học là kiên cố và bán kiên cố. Thiết bị dạy học được trang cấp tương đối đủ bước đầu đáp ứng yêu cầu dạy và học đạt chất lượng tốt hơn.

b) Khó khăn

- Cơ sở vật chất tuy đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ.

+ Diện tích lớp học chật hẹp, diện tích Sân chơi, bãi tập của học sinh chưa đúng quy định.

+ Hệ thống phòng học, phòng chức năng, hệ thống điện đã xuống cấp.

+ Hệ thống máy chiếu, máy photo, máy tính, máy in của nhà trường đã hỏng hóc, số lượng chưa đáp ứng được cho nhu cầu dạy và học.

+ Máy tính phục vụ hoạt động dạy học của phòng Tin học chưa đáp ứng yêu cầu số lượng nên việc tổ chức cho học sinh tham gia các cuộc thi trên mạng còn hạn chế nhu cầu khai thác sử dụng.

- Một số giáo viên ứng dụng CNTT trong giảng dạy còn hạn chế, năng lực chuyên môn của giáo viên không đồng đều, việc tiếp cận, đổi mới phương pháp dạy học mới còn chậm, chưa linh hoạt.

- Một bộ phận nhỏ cha mẹ học sinh chưa phối hợp thường xuyên với nhà trường trong quá trình giáo dục.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung

- Năm học 2025-2026 là năm có ý nghĩa đặc biệt trong việc chuẩn bị cho sự phát triển giáo dục giai đoạn 2026-2030. Đây cũng là năm đầu tiên thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định mới, đòi hỏi nhà trường cần chủ động, linh hoạt và có trách nhiệm cao trong công tác quản lý, giảng dạy và tổ chức các hoạt động. Bên cạnh đó, năm học này diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, tạo động lực và định hướng quan trọng cho sự phát triển giáo dục trong thời kỳ mới. Năm học quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao với chủ đề năm học 2025-2026: “*Kỷ cương – sáng tạo – đột phá – phát triển*”. Nhà trường xác định mục tiêu trọng tâm để đạt được thành công trong năm học này như sau:

+ Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông và triển khai dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục tiểu học. Thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định của UBND tỉnh và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

+ Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, phát triển mạng lưới trường lớp, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; bố trí đội ngũ giáo

viên hợp lý; triển khai các giải pháp để hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

+ Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

+ Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục giáo dục Tiểu học vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp xã với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Năm học 2025-2026 nhà trường phấn đấu:

+ Duy trì trường đạt kiểm định mức độ 2. Trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

+ Duy trì đạt chuẩn PG GDTH mức độ 3. PC XMC mức độ 2.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với học sinh

a. Huy động và duy trì số lượng học sinh.

- Huy động số học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 78/78 HS đạt 100%.

- Duy trì 373/373 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

b. Chỉ tiêu chất lượng cuối năm như sau:

- Môn học và các hoạt động giáo dục:

Khối lớp		Tổ Khối 1		Tổ Khối 2		Tổ Khối 3		Tổ Khối 4		Tổ Khối 5	
Tổng số học sinh		81		64		53		92		83	
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	38	45,7
1. Tiếng Việt	HTT	45	55,56	34	61,2	31	56,6	33	35,8	45	54,3
	HT	35	43,21	30	69,4	22	43,4	59	64,2	0	0,0
	CHT	1	1,23	0	-	0	-	0	-	38	45,7
2. Toán	HTT	45	55,56	34	61,2	31	56,6	33	35,8	53	54,3
	HT	35	43,21	30	69,4	22	43,4	59	64,2	0	0,0
	CHT	1	1,23	0	-	0	-	0	-	37	44,6
3. Tiếng Anh	HTT	25	58,10	20	34,4	31	56,6	33	35,8	46	55,4
	HT	17	39,60	8	20,2	22	43,4	59	64,2	0	0,0

	CHT	1	2,30	0	-	0	-	0	-	39	47,0
4. Đạo đức	HTT	45	55,56	34	61,2	31	56,6	38	67,1	44	53,0
	HT	35	43,21	30	69,4	22	43,4	54	124,4	0	0,0
	CHT	1	1,23	0	-	0		0	-		
5. TN&XH	HTT	45	55,56	34	61,2	31	56,6				
	HT	35	43,21	30	69,4	22	43,4				
	CHT	1	1,23	0	-	0				38	45,8
6. LS&ĐL	HTT							33	35,8	45	54,2
	HT							59	64,2	0	0,0
	CHT							0	-	41	49,4
7. Khoa học	HTT							31	35,8	42	50,6
	HT							62	64,2	0	0,0
	CHT							0	-	38	45,8
8. Công nghệ	HTT					31	56,6	30	35,8	45	54,2
	HT					22	43,4	63	64,2	0	0,0
	CHT					0	-	0	-	38	45,8
9. Tin học	HTT					31	56,6	30	35,8	45	54,2
	HT					22	43,4	63	64,2	0	0,0
	CHT					0	-	0	-	42	50,6
10. GDTC (Thể dục 5)	HTT	46	56,79	34	59,9	31	56,6	34	60,1	41	49,4
	HT	34	41,97	30	71,5	22	43,4	58	133,6	0	0,0
	CHT	1	1,23	0	-	0	-	0	-	39	47,0
11. Âm nhạc	HTT	46	56,79	34	59,9	31	56,6	34	60,1	44	53,0
	HT	34	41,97	30	71,5	22	43,4	58	133,6	0	0,0
	CHT	1	1,23	0	-	0		0	-	38	45,8
12. Mỹ Thuật	HTT	46	56,79	34	59,9	31	56,6	34	60,1	45	54,2
	HT	34	41,97	30	71,5	22	43,4	58	133,6	0	0,0
	CHT	1	1,23	0	-	0		0	-	39	47,0
13. HĐTN	HTT	46	56,79	34	59,9	31	56,6	36	63,6	44	53,0
	HT	34	41,97	30	71,5	22	43,4	56	129,0	0	0,0
	CHT	1	1,23	0	-	0		0	-		

+ Năng lực chung:

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số HS	81	64	53	92	83

Phẩm chất	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tự chủ và tự học	Tốt	45	55,56	34	53,1	31	56,6	37	40,2	51	61,40
	Đạt	35	43,21	30	46,9	22	43,4	55	59,8	32	38,60
	CCG	1	1,23	0	-	0	-	0	0,0	0	0,00
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	45	55,56	34	53,1	31	56,6	37	40,2	49	59,04
	Đạt	35	43,21	30	46,9	22	43,4	55	59,8	34	40,96
	CCG	1	1,23	0	-	0	-	0	0,0	0	0,00
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	45	55,56	34	53,1	31	56,6	37	40,2	45	54,22
	Đạt	35	43,21	30	46,9	22	43,4	55	59,8	38	54,88
	CCG	1	1,23	0	-	0	-	0	0,0	0	0,00

+ Năng lực đặc thù:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số HS		81		64		53		92		83	
Năng lực	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
Ngôn ngữ	Tốt	45	55,56	34	53,1	31	56,6	37	40,2	41	49,40
	Đạt	35	43,21	30	46,9	22	43,4	55	59,8	42	50,60
	CCG	1	1,23	0	-	0	-	0	0,0	0	0,00
Tính toán	Tốt	45	55,56	34	53,1	31	56,6	37	40,2	41	49,40
	Đạt	35	43,21	30	46,9	22	43,4	55	59,8	42	50,60
	CCG	1	1,23	0	-	0	-	0	0,0	0	0,00
Khoa học	Tốt	45	55,56	34	53,1	31	56,6	37	40,2	44	53,01
	Đạt	35	43,21	30	46,9	22	43,4	55	59,8	39	46,99
	CCG	1	1,23	0	-	0	-	0	0,0	0	0,00
Thẩm mỹ	Tốt	46	56,79	34	53,1	31	56,6	37	40,2	42	50,60
	Đạt	34	41,97	30	46,9	22	43,4	55	59,8	41	49,40
	CCG	1	1,23	0	-	0	-	0	0,0	0	0,00
Thể	Tốt	46	56,79	34	53,1	31	56,6	37	40,2	44	53,01

chất	Đạt	34	41,97	30	46,9	22	43,4	55	59,8	39	46,99
	CCG	1	1,23	0	-	0	-	0	0,0	0	0,00
Công nghệ	Tốt					31	56,6	37	40,2	42	50,60
	Đạt					22	43,4	55	59,8	41	49,40
	CCG					0	-	0	0,0	0	0,00
Tin học	Tốt					31	56,6	37	40,2	41	49,40
	Đạt					22	43,4	55	59,8	42	50,60
	CCG					0	-	0	0,0	0	0,00

+ Phẩm chất:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số HS		81		64		53		92		83	
Phẩm chất	MDD	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Yêu nước	Tốt	46	56,80	40	62,5	43	81,1	60	65,2	67	80,72
	Đạt	35	43,20	24	37,5	10	18,9	32	34,8	16	19,28
	CCG	0	0,00	0	-	0	-	0	0	0	0,00
2. Nhân ái	Tốt	46	56,80	40	62,5	43	81,1	60	65,2	67	80,72
	Đạt	35	43,20	24	37,5	10	18,9	32	34,8	16	19,28
	CCG	0	0,00	0	-	0	-	0	0	0	0,00
3. Chăm chỉ	Tốt	46	56,80	40	62,5	38	71,7	60	65,2	67	80,72
	Đạt	35	43,20	24	37,5	15	28,3	32	34,8	16	19,28
	CCG	0	0,00	0	-	0	-	0	0	0	0,00
4. Trung thực	Tốt	46	56,80	40	62,5	38	71,7	60	65,2	67	80,72
	Đạt	35	43,20	24	37,5	15	28,3	32	34,8	16	19,28
	CCG	0	0,00	0	-	0	-	0	0	0	0,00
5. Trách nhiệm	Tốt	46	56,80	40	62,5	38	71,7	60	65,2	67	80,72
	Đạt	35	43,20	24	37,5	15	28,3	32	34,8	16	19,28

	CCG	0	0,00	0	-	0	-	0	0	0	0,00
--	-----	---	------	---	---	---	---	---	---	---	------

- Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS	HS được ĐG	HTXS		HTT		HT		CHT	
			TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1	81	81	14	17,284	28	34,57	39	48,14	0	0,00
2	64	64	12	18,75	22	34,38	30	46,88	0	0,00
3	53	53	11	20,75	18	33,96	24	45,28	0	0,00
4	92	92	15	16,30	18	19,57	59	64,13	0	0,00
5	83	83	16	19,28	21	25,30	46	55,42	0	0,00
Cộng	373	373	68	18,231	107	28,69	198	53,1	0	0,00

g) Khen thưởng cuối năm học:

Khối lớp	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được KT		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		HS tiêu biểu HTT	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
1	81	39	48,15	14	17,28	25	30,86
2	64	34	53,13	12	18,75	22	34,38
3	53	29	54,72	11	20,75	18	33,96
4	92	33	35,87	15	16,30	18	19,57
5	83	37	44,58	16	19,28	21	25,30
Tổng	373	172	46,11	68	18,23	104	27,88

- Tỷ lệ chuyển lớp đạt 373/373 em = 100% (2HS KT)

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành CTTH đạt 83/83 em = 100%

c. Các hoạt động khác:

- 100% học sinh học 9 buổi/ tuần.

- 100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.

- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng.

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.

- 100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- 100% HS được tham gia các hoạt động: văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; được giáo dục kỹ năng công dân số, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục quyền con người, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương Điện Biên và giáo dục tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước,... được giáo dục kỹ năng sống, được chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiêm phòng dịch bệnh.

- 100% HS học sinh có đủ sách giáo khoa và đồ dùng học tập, có thói quen đọc sách và được tư vấn tâm lý, thực hiện đúng Luật ATGT.

- Học sinh khuyết tật có khả năng học tập được học hòa nhập;

- Tham gia các cuộc thi, giao lưu các cấp có học sinh tham gia và đạt giải; Có nhiều học sinh đạt giải cấp xã trở lên trong các cuộc thi, giao lưu, sân chơi trí tuệ do ngành tổ chức.

- Thực hiện giáo dục STEM từ lớp 1 đến lớp 5 theo tài liệu hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Mỗi khối dạy ít nhất 08 bài học STEM/năm học.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình các môn học và HĐGD bắt buộc và các hoạt động củng cố, tăng cường để hoàn thành nội dung học tập theo mục tiêu, yêu cầu của chương trình và bồi dưỡng, phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh đảm bảo tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tối thiểu là 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần cụ thể như sau:

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Tiếng Anh	0			0			140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	Tự nhiên và Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34	0			0		

		0			35	18	17	35	1
36	34	70	36	34	70	36	34	70	3
54	51	105	54	51	105	54	51	105	5
18	17	35	18	17	35	18	17	0	
18	17	35	18	17	35	18	17	35	1

3. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																
1	Hoạt động tự học có hướng dẫn	83	42	41	83	42	41	48	24	24	13	6	7	13	6	7
TỔNG		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

- Tổ chức các loại hình hoạt động trải nghiệm gồm:
 - + Sinh hoạt dưới cờ gồm hoạt động nghi lễ và các hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường, nói chuyện truyền cảm hứng; truyền thông các vấn đề xã hội như tuyên truyền an toàn giao thông, giáo dục pháp luật, phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền chủ đề hoạt động tháng, kể chuyện tấm gương đạo đức Bác Hồ,...
 - + Sinh hoạt lớp gồm tổ chức các hoạt động theo chủ đề (theo chương trình nhà trường) sinh hoạt lớp hàng tuần, các hoạt động chung của tập thể lớp (tham quan, thi đua học tập giữa các tổ học sinh...). Ngoài ra, nhà trường tổ chức các hoạt động truyền thông, các thông điệp xã hội, triển khai các phong trào thi đua theo chủ điểm tháng.
 - + Tổ chức cho HS trải nghiệm trong và ngoài lớp học, nhà trường...
- Tổ chức các hoạt động tập thể theo chủ đề, hoạt động tập thể thường xuyên và định kỳ.
 - + Hình thức tổ chức sinh hoạt thường xuyên được thực hiện theo tuần, ở trường và cộng đồng, giao nhiệm vụ cho từng học sinh.
 - + Hoạt động ngoài giờ lên lớp định kỳ thông qua các hoạt động văn hoá - thể thao và vui chơi: Các hội thao, hội thi, giao lưu văn nghệ, TDTT của học sinh.
 - Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục quốc phòng an ninh, quyền con người, kỹ năng công dân số, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, ma túy, bảo vệ môi trường; giáo dục an toàn giao thông, phòng chống dịch bệnh,... thông qua các môn học, hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, HĐNGLL trong nhà trường cụ thể như sau:

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
-------	----------	--------------------	-------------------	---------------------	-----------------	-------------------------

9	Truyền thông nhà trường	- Khai giảng năm học mới - Tìm hiểu truyền thống nhà trường. - Tuyên truyền về bảo vệ tổ quốc và tìm hiểu về biển đảo Việt Nam.	- Tập trung toàn trường; theo lớp - Tập trung trên sân trường nghe, trả lời các câu hỏi giao lưu để nhận quà tặng. - Toàn trường	5/9 8/9-12/9 29/9	- BGH, TPTĐ - TPT Đội, HS - TPTĐ	- GV, NV, BDDCMHS - GVCN - GVCN
10	Thiếu Nhi Điện Biên thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy	- Vui tết trung thu. - Hưởng ứng: Tuần lễ học tập suốt đời. Góp sách cho tủ sách anh em. - Hoạt động ngoại khóa	- Tổ chức cho học sinh thi trang phục tự chế đóng vai các nhân vật cổ tích - Phát động tuần lễ học tập suốt đời - Văn nghệ chào mừng	06/10 Trong tháng 25/10	- BGH, TPTĐ, GVCN - BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh - GV; HS và PH	- Phụ huynh, các đoàn thể xã - BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh - Tổ hành chính
11	Tôn sư trọng đạo	- Tìm hiểu nghề thủ công địa phương. - Hoạt động ngoại khóa	- HS Toàn trường - Giao lưu viết chữ đẹp, các CLB cờ vua, bóng đá, ...	Trong tháng 14/11	- Giáo viên- HS toàn trường. - BGH, - GV- NV	- Cộng đồng - BGH, GV, NV
12	Uống nước nhớ nguồn	- Giao lưu với chú bộ đội. - Viếng đài tưởng niệm liệt sĩ xã Chà Cang. - Thăm gia đình thương binh Liệt sĩ, thăm tặng quà một số gđ thương binh, liệt sỹ trong xã. - Hoạt động ngoại khóa	- Nói chuyện với cựu chiến binh - 20 học sinh cùng BGH; 5 GV đi viếng đài tưởng niệm liệt sỹ xã Chà Cang. - BGH; TPT; Đoàn viên và 10 học sinh thăm gia đình thương binh để hỏi thăm và tặng quà . - Giao lưu Toán tuổi thơ, Hoa trạng nguyên. Ngày hội STEM	19/12 22/12 22/12 22/12	- TPTĐ - TPT Đội, HS toàn trường - GVTP - BGH, TPTĐ, Đoàn thanh niên, HS - BGH, - GV- NV	- Cựu chiến binh. - BGH; PTĐ; Đoàn thanh niên; HS - PTĐ; Đoàn thanh niên; 30 HS - BGH - GV- NV
1	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc	- Tìm hiểu về Tết Nguyên đán . - Các trò chơi dân gian... (thi kéo co với các khối lớp) - Hoạt động ngoại khóa	- Sinh hoạt dưới cờ, SHL và qua công tác chủ nhiệm - Toàn trường - Làm quen với nhạc cụ dân tộc Thái.	02/02 11/02 12/02	- TPT Đội + GVCN + HS toàn trường. - BGH TPT. - PTĐ	- GVCN, HS - BGH, TPT, GVCN và học sinh toàn trường. - Phụ huynh

2	Mừng Đảng mừng Xuân	- Thực hành: Trồng cây hương ứng ngày Tết trồng cây. - Hoạt động ngoại khóa	- Ngày khai xuân mỗi thầy cô giáo và học sinh mang một cây cảnh hoặc cây ăn quả đến trường trồng. - Chơi trò chơi dân gian	20/02 20/02	- Toàn trường. - Toàn trường	- Giáo viên và học sinh toàn trường - GV/TPT, GVCN, HS
3	Mẹ và cô	- Diễn văn nghệ mừng mẹ, mừng cô. - Hoạt động ngoại khóa	- Toàn trường - Thi Trạng Nguyên toàn tài cấp trường	06/3 Trong tháng	- TPT, BT Đoàn. - Toàn trường	- GVCN - Phụ huynh, đoàn thể
4	Hòa bình và Hữu nghị	- Hoạt động ngoại khóa	- Giao lưu tiếng anh	25/4	- Toàn trường	- GV/TPT, GVCN, HS
5	Nhớ ơn Bác Hồ	- Tìm hiểu về Đội TNTP HCM. Tìm hiểu các anh hùng nhỏ tuổi. - Hoạt động ngoại khóa	- Tổ chức theo khối lớp - Giao lưu các câu lạc bộ: Cờ vua, bóng đá, cầu long,...	01/5 Trong tháng	- TPTĐ - TPTĐ, GV thể dục, GVCN, HS	- GVCN - GVCN, đoàn thể

2.2. Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học

Sau giờ học chính thức, căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh, nhà trường sẽ tổ chức các hoạt động dưới hình thức giáo dục kỹ năng sống, sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập,...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí. Thời lượng cụ thể đối với các lớp cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Thể dục buổi sáng	Thể dục buổi sáng	Học sinh bán trú	5h15p -5h30p	Sân trường	
2	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt, gấp chăn màn	Học sinh bán trú	5h30p-5h45p	Khu nội trú	
3	Ăn sáng	Ăn sáng	Học sinh bán trú	5h45p-6h10p	Nhà ăn	
4	Vệ sinh phòng ở, lớp học	Quyết dọn nhà vệ sinh, phòng ở.	Học sinh nội trú/toàn trường	6h10p-6h45p	Khu nội trú, lớp học	
5	Vệ sinh cá nhân chuẩn bị ăn trưa	Rửa chân tay, chia cơm	Học sinh bán trú	10h30p – 10h45p	Khu nội trú, nhà ăn	
6	Ăn trưa	Ăn trưa	Học sinh bán trú	10h45p-11h15p	Nhà ăn	
7	Dọn dẹp nhà ăn	Quyết dọn	Học sinh nội trú/theo lớp	11h15p-11h30p	Nhà ăn	

8	Nghỉ trưa	Ngủ	Học sinh bán trú	11h30p-13h15p	Phòng ở	
9	Vệ sinh cá nhân	Rửa, mặt mũi, chân tay	Học sinh bán trú	13h15p-13h30p	Bể nước khu nội trú	
10	Vệ sinh phòng ở, lớp học	Quyết dọn	Học sinh bán trú/theo lớp	13h30-14h00p	Khu nội trú, lớp học	
11	HĐ câu lạc bộ; HĐ TDTT, Chăm sóc bồn hoa	HĐ câu lạc bộ; TDTT, Chăm sóc bồn hoa	Học sinh bán trú/toàn trường	16h00p-17h00p	Câu lạc bộ, sân trường, vườn trường	
12	Vệ sinh cá nhân	Tắm giặt	Học sinh bán trú	17h00p-17h30p	Khu nội trú Bể nước khu nội trú	
13	Ăn tối;	Ăn tối	Học sinh bán trú	17h30-18h00p	Nhà ăn	
14	Dọn vs nhà ăn	quyết dọn	Theo lớp	18h00p-18h30p	Nhà ăn	
15	Xem phim	Xem phim	Học sinh bán trú	18h30p-19h30p	Nhà ăn	
16	Học tối	Học tối	Theo lớp	19h30p-20h45p	Lớp học	
17	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt...	Học sinh bán trú	20h45p-21h30p	Bể nước khu nội trú	
18	Ngủ tối	Ngủ tối	Học sinh bán trú	21h-30p đến 5h15p ngày hôm sau.	Phòng nội trú	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với điểm trường lẻ

Nhà trường có 04 điểm trường lẻ có 04 lớp với 74 học sinh, cụ thể:

- 100% học sinh tại điểm trường được tham gia học 9 buổi/tuần; thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo nội dung KHGD nhà trường đã xây dựng tại Phụ lục 1.1.

- Việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt dưới cờ, hoạt động tập thể được phân công cho giáo viên phụ trách điểm trường thực hiện HĐ chào cờ theo nghi thức đội, giáo viên chủ nhiệm tổ chức các hoạt động trải nghiệm, HĐGD.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và KH dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên:

- Ngày tựu trường: Thứ sáu, ngày 29/8/2025. Riêng lớp 1 tựu trường 11/8/2025 (tham gia học lớp TCTV cho trẻ trước khi vào lớp Một)

- Ngày khai giảng: Thứ sáu, ngày 05/9/2025. Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2025 đến trước ngày 18/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2025 đến trước ngày 25/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Kết thúc năm học: Trước ngày 31/5/2026.

- Lịch sinh hoạt chuyên môn:

+ Sinh hoạt chuyên môn trường ít nhất 1 lần vào chiều thứ sáu tuần 4 của tháng.

+ Sinh hoạt chuyên môn tổ khối ít nhất 2 lần vào chiều thứ tư tuần 1, 3 của tháng.

+ Sinh hoạt chuyên môn cụm theo kế hoạch chung

- Căn cứ thời gian trong năm học các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có, bộ phận chuyên môn thống nhất chỉ đạo các tổ, khối thực hiện.

Tuần	Thời gian nghỉ	Lí do nghỉ	Kế hoạch dạy bù
17	1 ngày thứ hai, ngày 1/1/2025	Nghỉ Tết dương lịch	Dạy bù vào chiều thứ 6 tuần 17 và các tiết 4 các buổi chiều.
29	1 ngày chủ nhật ngày 26/4/2026	Nghỉ giỗ Tổ 10/3	HS nghỉ bù vào Thứ 2 Các ngày nghỉ vào tuần ôn lên không phải dạy bù
Ôn tập	2 ngày thứ năm, thứ sáu, ngày 30/4 và 1/5/2026	Nghỉ 30/4, 01/5	Các ngày nghỉ vào tuần ôn lên không phải dạy bù

- Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học, trường PTDTBT Tiểu học Chà Cang xây dựng Kế hoạch thời gian tổ chức thực hiện chương trình năm học 2025-2026 như sau:

4.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4.1)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục lớp 1. (Phụ lục 2.1)

4.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4.2)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục lớp 2. (Phụ lục 2.2)

4.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4.3)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục lớp 3. (Phụ lục 2.3)

4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4.4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục lớp 4. (Phụ lục 2.4)

4.5. Đối với khối lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4.5)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục lớp 5. (Phụ lục 2.5)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông

1.1. Chương trình giáo dục phổ thông

- Chỉ đạo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các lớp theo TT32/2018/TT-BGDĐT.

- Bố trí đảm bảo đủ tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

- Chỉ đạo thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh, Hoạt động trải nghiệm; Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; dạy 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Xây dựng thời khóa biểu, sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học đúng quy định, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

1.2. Tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình GDPT 2018

a) Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)

+ Đối với lớp 1 và lớp 2:

Thực hiện dạy học tiếng Anh Công văn số 681/BGDĐT-GDTH, ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy môn tiếng Anh tự chọn lớp 1,2 theo Chương trình GDPT 2018 cho 100% học sinh lớp 1, lớp 2 học 2 tiết/tuần.

+ Đối với lớp 3 và lớp 4:

Thực hiện dạy học tiếng Anh theo quy định trong CTGDPT 2018 cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 học 4 tiết/tuần.

b) Tổ chức dạy học môn Tin học

+ Đối với lớp 1 và lớp 2: Làm tốt công tác tuyên truyền cho CMHS tạo điều kiện, tạo cơ hội cho học sinh lớp 1, 2 được tiếp cận giáo dục Tin học; Phối hợp với GV chủ nhiệm tạo điều kiện cho học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ,...

- Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5:

+ Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong CTGDPT 2018 4 tiết/ tuần; đảm bảo các điều

kiện dạy học theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học. Chỉ đạo giáo viên dạy tin học lồng ghép dạy kỹ năng công dân số, phát triển năng khiếu học sinh, tạo điều kiện bồi dưỡng cho HS tham gia tin học trẻ.

1.3. Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Tổ chức tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số qua các môn học và hoạt động giáo dục tối thiểu 01 tiết/tuần. Xây dựng lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tiếng Việt.

- Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp Một theo quy định, thời lượng 72 tiết. Dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trước khi vào lớp theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1.

- Tiếp tục triển khai việc thực hiện Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025. Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt theo Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên lớp 1 và học sinh lớp 1; Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3.

- Đối với các lớp 2, 3, 4, 5 tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường

1.4. Thực hiện giáo dục STEM

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM theo CTGDPT 2018 phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và điều kiện nhà trường.

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy STEM phải ghi rõ nội dung tích hợp, tích hợp ở bài, môn học/hoạt động giáo dục và giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ [website://stemtieuhoc.edu.vn](http://stemtieuhoc.edu.vn) và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Thường xuyên kiểm tra, dự giờ, tư vấn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổ chức hội nghị chuyên đề, sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm. Chủ động tổ chức chuyên đề, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục STEM.

- Chỉ đạo trong mỗi bài học theo chủ đề STEM, HS được đặt trước một tình huống có vấn đề thực tiễn cần giải quyết liên quan đến các kiến thức khoa học, HS phải tìm tòi, nghiên cứu những kiến thức thuộc các môn học có liên quan đến vấn

đề (qua sách giáo khoa, học liệu, thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ) và sử dụng chúng để giải quyết vấn đề, tạo cho HS có phong cách học tập mới, sáng tạo.

- Tổ chức SHCM, chuyên đề cấp trường ngay từ đầu năm học và hàng tháng để trao đổi thảo luận về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phù hợp với từng bài, từng khối lớp, tổ chức áp dụng ngay từ tuần đầu năm học nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS.

- Chỉ đạo GV sau mỗi tiết dạy lưu giữ sản phẩm của học sinh, trưng bày sản phẩm tại lớp và viết bài gửi về nhà trường.

- Tổ chức tốt ngày hội STEM

1.5. Thực hiện tích hợp các nội dung khác:

- Tích hợp: Giáo dục kỹ năng công dân số; Giáo dục quyền con người; Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống; Lồng ghép Quốc phòng và an ninh; Giáo dục an toàn giao thông, Giáo dục địa phương Điện Biên,

- Chỉ đạo thực hiện dạy lồng ghép, tích hợp các nội dung trên vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh

1.6. Thực hiện tiết đọc thư viện: 01 tiết /tuần

Lập kế hoạch dạy học tiết đọc thư viện 1 tiết /tuần theo hướng dẫn tại công văn số 5750/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2020 V/v tổ chức hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020 - 2021. Tạo hứng thú và đam mê với việc đọc sách, tăng cường vốn từ vựng và củng cố kỹ năng đọc cho HS. Tiết đọc tại thư viện được tổ chức với nhiều hình thức khác nhau: Hoạt động đọc to nghe chung, Hoạt động đọc cá nhân, Hoạt động đọc cặp đôi, Hoạt động cùng đọc.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1 Tăng cường các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Bố trí cơ sở vật chất bảo đảm cho học sinh được học 2 buổi/ngày.

- Tiếp tục tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã tiếp tục đầu tư xây dựng thêm phòng học bộ môn và các phòng chức năng. Mua sắm thiết bị dạy học để thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học đúng quy định; bảo đảm có đủ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Sử dụng nguồn ngân sách bổ sung CSVC cho nhà trường đáp ứng cho việc dạy và học đạt hiệu quả cao hơn.

- Chỉ đạo giáo viên sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có. Đầu năm học, nhà trường công khai danh mục thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học hiện có, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học, tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học; Tập huấn cho đội ngũ giáo viên sử dụng thiết bị dạy học phù hợp và hiệu quả trong mỗi môn học đặc biệt là ứng dụng chuyển đổi số, CNTT vào giảng dạy và giáo dục.

- Rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học; thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục, ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để đưa vào kế hoạch giai đoạn 2025-2030.

2.2. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương

- Học sinh có đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu học tập theo danh mục trên.
- Giáo viên được cung cấp đầy đủ sách giáo khoa, sách giáo viên, nguồn học liệu điện tử tương ứng môn học/HĐGD do nhà xuất bản cung cấp.
- Tổ chức bổ sung sách vào thư viện nhà trường để phục vụ nhu cầu mượn - đọc sách giáo khoa; đồng thời hướng dẫn giáo viên chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu trong bài học, chủ đề, ngữ liệu thực hành trong sách giáo khoa nhằm phù hợp với thực tiễn địa phương, đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp địa giới hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

2.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động chuyên môn

a) Thực hiện linh hoạt các giải pháp bố trí, sử dụng giáo viên

- Tham mưu với cấp có thẩm quyền tuyển dụng và bố trí đủ giáo viên dạy đúng và đủ các môn học theo quy định; Phân công chuyên môn phù hợp theo vị trí việc làm.

- Quản lý chặt chẽ về chuyên môn, nề nếp, giờ giấc, chất lượng hiệu quả công việc của từng CBGV, NV của trường.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Chỉ đạo Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường, tham gia sinh hoạt chuyên môn liên trường đối với môn chuyên và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa các lớp.

- Chỉ đạo Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn phát huy tốt vai trò của Tổ trưởng CM, chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ, thực hiện tốt kế hoạch, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả có sự tham gia của GV. Trong các buổi SHCM, chuyên đề cấp trường, triển khai thực hiện đúng các bước tại công văn 1315/BGDĐT, tập trung hướng dẫn mỗi GV tham gia sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch bài học, nghiên cứu bài học, đại diện tổ nhóm dạy góp ý cho kế hoạch đã xây dựng, đề xuất biện pháp giải quyết khó khăn từng bài dạy, về đánh giá học sinh, về chuyên môn khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, nâng cao chất lượng từng buổi sinh hoạt chuyên môn, tổ chức SHCM ít nhất 2 lần/tháng.

- Xây dựng triển khai kế hoạch giáo dục, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng GV thực hiện CTGDPT 2018, quan tâm tạo điều kiện bồi dưỡng GV nắm chắc chương trình khối lớp, chỉ đạo nghiên cứu bài học, trao đổi chuyên môn, bài soạn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với từng lớp theo từng đối tượng HS.

- Khuyến khích giáo viên tự học từ bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp tiếp tục thực hiện đánh giá bồi dưỡng thường xuyên thực chất theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. Tham gia các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học do cấp trên tổ chức.

c) Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong kế hoạch, sổ ghi chép hoạt động của tổ chuyên môn. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn ít nhất 2 lần/tháng trên tinh thần

xây dựng môi trường thân thiện, tích cực, tự học nâng cao trình độ và phát triển năng lực chuyên môn.

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua dự giờ, nghiên cứu bài học theo công văn 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GDĐT. Tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch, đề xuất biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

- Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học, dạy học tích hợp, dạy học STEM. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 03 chuyên đề/năm học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

d) Tăng cường thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý trong nhà trường theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

- + Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

- + Thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

- + Quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo theo quy định, trong đó thực hiện nghiêm việc lạm dụng vị trí công tác của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện hoặc tham gia thực hiện việc ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo theo Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT Quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chú trọng các nội dung: việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hoạt động dạy học, thực hiện giáo dục tích hợp, sử dụng sách giáo khoa đã lựa chọn, sử dụng xuất bản phẩm.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực số

3.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Chỉ đạo TCM, GV thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; chỉ đạo GV dạy học theo đối tượng học sinh, đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; Vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống phù hợp với

HS lớp phụ trách, chỉ đạo dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở cấp tiểu học linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi trực tuyến hoặc do Sở GDĐT tổ chức và quy định, chỉ đạo giáo viên tích cực bồi dưỡng năng khiếu môn học cho HS.

- Phát động, tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua dạy và học. Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học tổ chức sinh hoạt chuyên môn ít nhất 2 lần/tháng; chỉ đạo giáo viên nghiên cứu nội dung chương trình sách giáo khoa của lớp học, cấp học, nghiên cứu từng bài dạy của từng môn học xây dựng kế hoạch bài dạy nâng cao chất lượng và thực chất hiệu quả giờ dạy, hiệu quả phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học, học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu, sao chép trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hiện tiến trình dạy học mỗi bài học thành các hoạt động học với sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; Khuyến khích giáo viên tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT, Sở GDĐT,... để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, tổ chức các tiết học kết nối trong trường, tỉnh, liên tỉnh, nước ngoài.

- Chỉ đạo PHT, tổ CM, GV tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục và Tổ chuyên môn thực hiện xây dựng kế hoạch các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh đơn vị, linh hoạt điều chỉnh thời lượng, bổ sung nội dung dạy học cho phù hợp, lồng ghép tích hợp dạy học các nội dung.

- Chỉ đạo TCM, GV tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học tăng cường rèn luyện cho HS phương pháp đọc, viết, nói, nghe, thực hành, trải nghiệm, tiếp nhận và vận dụng kiến thức TV thông qua các hoạt động học trong và ngoài lớp học. Chú trọng đổi mới từng hoạt động học của HS, đổi mới tổ chức SMCM thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học trong tổ CM theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CTGDPT cấp Tiểu học, tổ chức SHCM cấp trường, chia sẻ đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá HS, tham gia SHCM cấp huyện, cụm trường tổ chức.

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyên đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, thực hiện học bạ số, kí giáo án điện tử, sử dụng các phần mềm kế toán, thư viện số,... chuyển nhận văn bản trên eoffice, zalo, fappet, trang web nhà trường,...

3.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Thực hiện hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá, yêu cầu mỗi giáo viên nắm vững các mức đánh giá các môn học và các nhóm năng lực, phẩm chất, năng lực chung năng lực đặc thù ở từng môn học và HĐGD để đánh giá thường xuyên và định kì đúng năng lực HS. Ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp, hiệu quả trong đánh giá thường xuyên, định kỳ, thực hiện nghiêm túc các đợt khảo sát chất lượng giáo dục học sinh của Sở GDĐT; Phụ trách CM nhà trường tăng cường kiểm tra, khảo sát chất lượng HS bằng nhiều hình thức để thông qua đó để nắm bắt kết

quả giảng dạy của GV, xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học Toán, TV, Tin học, Tiếng Anh; Khoa học, Lịch sử và Địa lý.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá định kỳ phải đảm bảo yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; sau mỗi lần kiểm tra thực hiện chất lượng công tác thống kê, phân tích các nội dung kiến thức, kỹ năng trong bài kiểm tra và rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch ôn tập, bổ sung nội dung kiến thức, kỹ năng chưa đạt cho HS; hướng dẫn học sinh lưu giữ, bảo quản bài kiểm tra định kỳ.

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội;

- Tiếp tục tham gia tập huấn, tổ chức chuyên đề cấp trường hướng dẫn giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 các khối lớp đảm bảo các mức theo quy định; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT.

3.3. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, tiếp tục thực hiện học bạ số

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại nhà trường.

- Tăng cường hạ tầng công nghệ thông tin, triển khai một số nội dung chuyển đổi số (thư viện số, kho học liệu số,...trên môi trường số) và hội họp trực tuyến, dạy học trực tuyến, dạy học kết nối.

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu đổi mới, chỉ đạo CBGV,NV tích cực sử dụng thành thạo phần mềm CSDL ngành, phần mềm PC, phần mềm kế toán, thực hiện các khoản thu không dùng tiền mặt thông qua ngân hàng,...kí giáo án điện tử, sử dụng học bạ số lớp 1,2,3,4,5, thực hiện Thư viện số, quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số, thực hiện kí số khi giao dịch với kho bạc, ngân hàng hoặc tra cứu, xử lý các văn bản đi đến báo cáo, cập nhật thông tin hàng ngày đúng quy định. Tổ chức tập huấn cho GV nắm chắc để sử dụng hiệu quả.

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho HS lớp 3,4,5 lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng công dân số thông qua dạy học môn Tin học và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

c) Triển khai Học bạ số

- Thành lập Ban quản trị Học bạ số, phân công PHT quản lý dữ liệu học bạ số, tổ chức tập huấn, hướng dẫn lại cách thực hiện và chỉ đạo giáo viên các lớp thực hiện triển khai chất lượng, hiệu quả Học bạ số. Thực hiện đúng quy trình khởi tạo Học bạ số, hướng dẫn giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện nhận xét đảm bảo quy

định, kí duyệt đảm bảo khoa học, chính xác, giáo viên chuyên phối hợp GVCN đánh giá nhận xét học sinh theo đúng quy định.

- Ban Giám hiệu thường xuyên kiểm tra, đảm bảo tính chính xác thông tin dữ liệu học sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành; cập nhật chuyên, nhận dữ liệu HS chuyển đi, đến.

4. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

** Nâng cao chất lượng Phổ cập giáo dục*

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC.

- Nắm vững, thực hiện có chất lượng các văn bản hướng dẫn của các cấp về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đơn vị duy trì PCGDTH mức độ 3, PCGD, XMC Mức độ 2.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, tham mưu, tăng cường công tác chỉ đạo của ban chỉ đạo PCGD thị trấn tăng cường CSVC trường học, củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Phân công PHT, GV, nhân viên thực hiện công tác điều tra, phân công giáo viên quản lý từng địa bàn và thực hiện tốt chế độ cập nhật thông tin, số liệu cơ sở dữ liệu ngành, xử lý số liệu trên hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đảm bảo cập nhật, khoa học, hợp lý.

- Tuyên truyền ngày toàn dân đưa trẻ đến trường (05/9/2025). Huy động 100% số trẻ trong độ tuổi đến trường.

- Quản lý tốt sĩ số từng buổi học, hàng tuần, hàng tháng, tổ chức rà soát nắm vững số lượng học sinh, phối hợp với gia đình học sinh và ban ngành ở địa phương để huy động, vận động học sinh đến trường, đặc biệt quan tâm đến trẻ khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

- Động viên khuyến khích GV học tập bồi dưỡng nâng chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả công tác thu thập, quản lý số liệu về PCGDTH.

- Lập hồ sơ, quản lý HS, ghi chép, lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, khoa học, tham gia các lớp tập huấn PCGD; Cập nhật hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC đúng quy định, khoa học, số liệu chính xác.

- Thực hiện nghiêm túc việc tự kiểm tra hoàn thành trong tháng 9/2025, đề nghị UBND xã, Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra công nhận đơn vị đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 vào tháng 11/2025.

** Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật*

- Huy động tối đa số trẻ khuyết tật từ 6 đến 10 tuổi ra lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật và chỉ tiêu phổ cập giáo dục tiểu học năm 2025. Năm học 2025-2026 nhà trường có 02 học sinh khuyết tật.

- Tiếp tục tạo mọi điều kiện cho trẻ khuyết tật tiếp cận giáo dục theo Luật người khuyết tật năm 2010 và thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDDT-BLĐTBXH-BTC

ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Lao động thương binh và xã hội- Bộ Tài chính về quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật. Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch dạy học hòa nhập của các khối lớp, chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục hòa nhập, đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc đồng viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính. Việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ được ghi trong sổ theo dõi trẻ khuyết tật.

- Đảm bảo số liệu, danh sách trẻ khuyết tật trong độ tuổi học tiểu học; thống kê, báo cáo kết quả giáo dục trẻ khuyết tật theo quy định.

- Tham mưu với địa phương quan tâm hỗ trợ, đồng viên các em nhân ngày lễ tết; thành lập Hội đồng kiểm tra xác định dạng tật cho HS, phối hợp với Trạm Y tế xã, các cấp đề nghị khám, cấp giấy chứng nhận cho trẻ khuyết tật bảo đảm chất lượng giáo dục.

5. Tiếp tục đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác kiểm tra.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn; thực hiện nhập liệu, khai thác, sử dụng thống nhất cơ sở dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trong bối cảnh điều chỉnh địa giới hành chính, sắp xếp, tinh gọn bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung kiểm tra việc thực hiện CTGDPT; tổ chức lựa chọn, sử dụng sách giáo khoa và xuất bản phẩm tham khảo; thực hiện chương trình giáo dục tích hợp,...

- Đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý, bảo đảm tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp; gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

6. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền về đổi mới giáo dục tiểu học, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của phụ huynh, chính quyền và cộng đồng.

- Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

- Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

7. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ.

- Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi nhằm

giúp học sinh có được cảm giác an toàn mọi lúc mọi nơi, có được tính tự lực, tự tin, sáng tạo trong cuộc sống.

- Tiếp tục tổ chức lồng ghép các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo hướng dẫn tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, giáo dục bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, dịch bệnh cho học sinh.

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp. Trên cơ sở đó hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày. Giúp học sinh làm chủ bản thân, thích ứng và biết cách ứng phó trước những tình huống khó khăn trong cuộc sống hằng ngày; Rèn cách sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng; Có hướng suy nghĩ tích cực và tự tin, tự quyết định và lựa chọn những hành vi đúng đắn. Tạo cơ hội thuận lợi để học sinh thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức. Tạo cơ hội cho giáo viên điều chỉnh, đổi mới phương pháp giảng dạy; phát huy khả năng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục; phát hiện những năng khiếu, phẩm chất, năng lực của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

- Chỉ đạo kịp thời việc dạy học tích hợp, dạy học lồng ghép các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, giáo dục bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, dịch bệnh, giáo dục STEM, lý tưởng cách mạng, quyền con người, công dân số, ... trong các tiết học.

- Tổ chức khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào một số câu lạc bộ như: Câu lạc bộ Thể dục thể thao, câu lạc bộ Nghệ thuật, Câu lạc bộ Em yêu tiếng Việt, câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ Em yêu lịch sử, ...

8. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và công tác bán trú

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học 9 buổi/tuần, mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần). Nội dung và hình thức dạy học:

- + Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- + Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

- Triển khai Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học; tổ chức bữa ăn học đường kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ theo Tài liệu hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT.

- Thực hiện Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.

9. Kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia

- Thực hiện công tác tự đánh giá, cải tiến chất lượng theo chu kỳ; duy trì và nâng cao tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ I.

- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện để đáp ứng các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

1. Ban giám hiệu.

1.1. Nhiệm vụ chung.

Chỉ đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường theo kế hoạch đã đề ra;

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong trường để thống nhất kế hoạch hoạt động theo năm, tháng, tuần..

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị theo kế hoạch đã được lập; tổ chức hội ý để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kịp thời khi có các hoạt động phát sinh hoặc các hoạt động bị chồng chéo.

1.2. Hiệu trưởng

- Quản lý, chỉ đạo chung và toàn diện các hoạt động của nhà trường theo các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng;

- Chỉ đạo các đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng lập kế hoạch hoạt động chi tiết, cụ thể cho năm học, tháng, tuần theo quy định.

- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường theo kế hoạch, kịp thời điều chỉnh, tư vấn để bám sát và thực hiện tốt các nội dung, tiêu chí đã xây dựng trong kế hoạch năm học.

- Tham gia giảng dạy theo đúng quy định của Thông tư 05/2017/TT-BGD&ĐT ngày 07/3/2025 quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

1.3. Phó Hiệu trưởng.

- Giúp Hiệu trưởng phụ trách hoạt động chuyên môn; công tác Phổ cập giáo dục tiểu học, lập kế hoạch giáo dục năm học.

- Thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, nâng cao chất lượng đội ngũ, kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn, tăng cường các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển học sinh năng khiếu.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, truyền thông về giáo dục, phối hợp với các đoàn thể làm tốt công tác tư vấn chuyên

môn cho nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học, xây dựng mối đoàn kết nội bộ.

- Xây dựng chuyên đề nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tư vấn chuyên môn cho nhà trường, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, kiểm tra chuyên môn. Công tác phổ cập giáo dục, XMC.

- Kịp thời phản ánh với Hiệu trưởng những vấn đề phát sinh để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp và hiệu quả.

- Tham gia giảng dạy theo đúng quy định của Thông tư 05/2017/TT-BGD&ĐT ngày 07/3/2025 quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

2. Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ văn phòng

a. Tổ trưởng chuyên môn

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.
- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng và giải trình kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học.

- Thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt.

- Đề xuất hiệu trưởng phân công giáo viên dạy và giáo viên chủ nhiệm lớp theo năm học.

- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng.

- Tổ chức sinh hoạt ít nhất hai tuần một lần để thực hiện các nhiệm vụ của tổ chuyên môn trên tinh thần xây dựng môi trường thân thiện, tích cực, tự học để nâng cao trình độ và phát triển năng lực chuyên môn.

b. Tổ trưởng tổ Văn phòng

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư, nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán kế toán, thống kê theo chế độ quy định.

- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ và của nhà trường.

- Tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động; giới thiệu tổ trưởng, tổ phó.

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công.

- Tổ văn phòng sinh hoạt ít nhất một tháng một lần hoặc khi có yêu cầu của công việc.

4. Tổng phụ trách Đội.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

- Kết hợp với phó Hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp định kỳ.

- Quản lý các hoạt động Đội Thiếu niên và Sao Nhi đồng ở nhà trường, tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, thực hiện tốt nhiệm vụ của giáo viên tổng phụ trách và dạy các tiết theo quy định.

- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thi đua của Liên đội chính xác, công bằng, khách quan.

5. Giáo viên

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách, bảo đảm quy định của chương trình giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường.

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

- Tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

- Quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục tại điểm trường khi được hiệu trưởng phân công.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của hiệu trưởng.

- Đối với giáo viên chủ nhiệm ngoài các nhiệm vụ trên còn thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

+ Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng và được hiệu trưởng phê duyệt.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm;

tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh.

+ Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

6. Nhân viên

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhân viên trường tiểu học xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động cá nhân theo tuần, tháng, năm học nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tùy theo vị trí việc làm, nhân viên trường tiểu học thực hiện nhiệm vụ theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm đang đảm nhiệm cụ thể như sau:

a) Nhân viên phụ trách Thư viện

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Tuyên truyền đề CBGV, NV và học sinh tích cực đọc sách;
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...

- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

b. Nhân viên Văn thư

- Tiếp nhận, đăng ký, xử lý và chuyển giao công văn, tài liệu đến cho Ban giám hiệu và các bộ phận liên quan.

- Soạn thảo, trình ký, phát hành văn bản đi của nhà trường đúng thể thức, đúng quy định.

- Quản lý và sử dụng con dấu của trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Ghi chép, theo dõi, vào sổ công văn đi – đến, sổ theo dõi văn bản mật (nếu có).

- Thu thập, sắp xếp, phân loại, bảo quản và lưu trữ hồ sơ, tài liệu của nhà trường theo đúng quy định.

- Hướng dẫn các bộ phận, giáo viên lập và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ.

- Khai thác, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, kiểm tra khi có yêu cầu.

- Thực hiện chỉnh lý, thống kê, lập danh mục tài liệu lưu trữ định kỳ.

- Đảm bảo bí mật thông tin trong quá trình xử lý văn bản và lưu trữ.

c) Nhân viên y tế

Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường

- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGV, NV và học sinh.

- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDDĐT, Bộ Y tế.

- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

d. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

đ. Nhân viên nuôi dưỡng

- Đảm bảo tốt vệ sinh an toàn thực phẩm cho học sinh bán trú
- Bảo quản các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị.
- Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh. Chủ động khắc phục những việc trong khả năng có thể, kiến nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.
- Phối hợp tốt với các tổ chức trong nhà trường để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường xanh - sạch - đẹp.

e. Nhân viên quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp

- Đón, giao nhận học sinh với giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh theo quy định.
- Quản lý sĩ số học sinh bán trú, đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần.
- Tổ chức cho học sinh ăn, nghỉ trưa đúng giờ, nề nếp, khoa học.
- Hướng dẫn học sinh sinh hoạt, vui chơi, rèn luyện kỹ năng sống, đọc sách báo, tham gia hoạt động thể dục, thể thao.
- Phối hợp với cấp dưỡng, y tế học đường trong việc đảm bảo an toàn bữa ăn, sức khỏe học sinh.
- Theo dõi, chăm sóc học sinh khi có biểu hiện ốm đau, kịp thời báo cáo Ban giám hiệu.
- Ghi chép, theo dõi sổ sách bán trú (sổ trực bán trú, nhật ký học sinh, sổ bàn giao học sinh...).
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 20256 của trường PTDTBT Tiểu học Chà Cang./.

Nơi nhận:

- UBND xã (b/c);
- Ban giám hiệu;
- Các tổ chuyên môn;
- Toàn bộ GV, NV nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Xuân Hậu